

Bản án số: 93/2022/HS-ST  
Ngày: 24-8-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Xuân Lộc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Hải

Ông Nguyễn Văn Kỳ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

**Lê Tuấn A** (tên gọi khác: Không), sinh năm 198x, tại tỉnh P T; nơi ĐKKTT: Khu x, xã P N, huyện P N, tỉnh P T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc D và bà Huỳnh Thị H; có vợ là Phạm Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 200x, con nhỏ sinh năm 20xx; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 15/03/2017 của Tòa án nhân dân huyện G L, thành phố H N xử phạt Lê Tuấn A 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/4/2022 đến ngày 17/6/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**- Bị hại:** Anh Vũ Đức S; sinh năm: 199x; địa chỉ: xóm x, xã B S, huyện K B, tỉnh H N. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị N; sinh năm: 198x; địa chỉ: khu x, xã P N, huyện P N, tỉnh P T. Vắng mặt.



- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị S; sinh năm: 197x; địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường Đ T, thành phố P Y, tỉnh T N. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 197x; địa chỉ: tổ dân phố Đ G, phường Đ T, thành phố P Y, tỉnh T N. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến*

1. Ông Nguyễn Hữu L; sinh năm: 197x; địa chỉ: tổ dân phố Đ G, phường Đ T, thành phố P Y, tỉnh T N. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ ngày 18/02/2022, Lê Tuấn A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, biển kiểm soát 19P1-338.61 đi từ nhà ở huyện P N, tỉnh P T đến huyện Đ A, thành phố H N. Trên đường đi, T A đã tháo biển kiểm soát 19P1-338.61 cất vào trong ba lô rồi lắp biển kiểm soát 29B1-829.97 vào xe mô tô của mình để tránh bị người khác phát hiện về mình. Sau đó, T A tiếp tục điều khiển xe mô tô lên đến khu vực thị xã (nay là thành phố) P Y, tỉnh T N mục đích xem ai có sơ hở, thiếu cảnh giác thì lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Lê Tuấn A đi đến khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị S (sinh năm 197x) tại tổ dân phố Đ, phường Đ T, thành phố P Y, tỉnh T N nhằm mục đích giả vờ thuê phòng trọ rồi lợi dụng sơ hở để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Lê Tuấn A trao đổi với bà S về việc thuê hai phòng trọ với giá 800.000 đồng/tháng và đề nghị bà S dọn dẹp phòng để T A chuyển đồ vào ở. Trong lúc bà S dọn dẹp phòng, T A quan sát xung quanh và nhìn thấy anh Vũ Đức S (sinh năm 199x; trú tại: xóm x, xã B S, huyện K B, tỉnh H N) là người thuê trọ nhà bà S đang đứng ở cửa phòng trọ gần đây. T A tắt nguồn điện thoại di động của mình và tiến tới chỗ anh S trò chuyện rồi hỏi mượn sạc điện thoại, nhưng anh S nói không có loại sạc mà T A cần. T A bảo anh S cho T A mượn điện thoại để gọi về cho vợ chuyển đồ đặc đến phòng trọ mới thì anh S đồng ý. Anh S đưa chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10 màu đen của mình cho T A và nói cho T A biết mật khẩu điện thoại. T A giả vờ bấm gọi điện thoại cho vợ và đưa điện thoại lên tai giả vờ nói chuyện rồi đi loang quanh khu vực nhà trọ, khi thấy anh S không để ý, T A cầm điện thoại của anh S và đi ra lấy xe mô tô bỏ đi. Trên đường đi đến ngã ba gần khu vực Ủy ban nhân dân phường Đ T, thành phố P Y, T A có va chạm giao thông với một xe ô tô và bị người lái xe ô tô yêu cầu dừng lại để giải quyết. Sau đó, một số người dân phát hiện ra T A là đối tượng chuyên đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã trình báo Cơ quan Công an phường Đ T, thành phố P Y. Sau đó, Công an phường Đ T đến lập biên bản sự việc, tạm giữ vật chứng và đưa T A về trụ sở để giải quyết.

Tại bản Kết luận định giá số 16/KLĐG ngày 04/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản thị xã (nay là thành phố) P Y, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu



SamSung Galaxy Note10, màu đen (đã qua sử dụng, hiện trạng điện thoại còn nguyên vẹn và sử dụng bình thường) của anh Vũ Đức S có giá trị còn lại là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Đức S đã nhận lại tài sản. Ngoài ra, bị cáo thoả thuận bồi thường xong cho bị hại toàn bộ thiệt hại phát sinh do việc mất điện thoại gây ra, số tiền các bên thoả thuận là 3.000.000 đồng, bị cáo đã thực hiện bồi thường xong, bị hại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại bản cáo trạng số 96/CT-VKSPY ngày 08/07/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố P Y, tỉnh T N đã truy tố bị cáo Lê Tuấn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, vật chứng thu giữ.

Anh Vũ Đức S và chị Phạm Thị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình điều tra. Anh S đề nghị xử lý bị cáo theo đúng quy định. Về trách nhiệm dân sự, anh S xác định đã nhận lại tài sản và được bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại do việc mất điện thoại gây ra, anh không có yêu cầu bổ sung nào khác. Trong quá trình điều tra, chị Nghi xác định xe mô tô biển kiểm soát 19P1-338.61 là tài sản chung được mua trong thời kỳ hôn nhân của hai vợ chồng, nguồn gốc tiền mua xe là của chị, bản thân chị không biết bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị được nhận lại chiếc xe để quản lý, sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phở Yên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Tuấn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Tuấn A từ 07 đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và được bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng. Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường và không có đề nghị gì khác.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho chị Phạm Thị N chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, không gắn biển kiểm soát, và 01 (một) biển số xe mô tô 19P1-338.61 để quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, còn đề nghị án phí đối với bị cáo và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm có cơ hội được trở về hòa nhập cộng đồng và thành người có ích cho xã hội.



## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 11 giờ 00 phút ngày 18/02/2022, tại tổ dân phố Đ, phường Đ T, thành phố P Y, tỉnh T N, Lê Tuấn A đã có hành vi giả vờ thuê phòng trọ của gia đình bà Nguyễn Thị S rồi đưa ra thông tin gian dối “Hỏi mượn điện thoại di động để gọi điện thoại về cho vợ chuyển đồ đến phòng trọ mới”, mục đích để chiếm đoạt “01 điện thoại di động” nhãn hiệu SamSung Galaxy Note 10, màu đen của anh Vũ Đức S có giá trị là 5.500.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản của anh S, T A bỏ đi thì bị người dân phát hiện giao cho Công an phường Đ T, thành phố P Y để giải quyết.

Hành vi, ý thức của bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 96/CT-VKSPY ngày 08/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

*Nội dung Điều 174 quy định:*

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”.*

[3] Xét các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

- Về nhân thân: Bị cáo xuất thân trong gia đình lao động thuần túy, được nuôi ăn học nhưng do lười lao động lại muôn có tiền tiêu xài đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng năm 2016 đã từng bị xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 15/03/2017 của Tòa án nhân dân huyện G L, thành phố H N. Bị cáo đã chấp



hành xong bản án, đương nhiên được xóa án tích. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận định bị cáo là người có nhân thân xấu.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ các thiệt hại phát sinh do hành vi phạm tội gây ra, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo đang thờ cúng, chăm sóc ông nội là Lê Văn H (đã chết) và bà nội là Lê Thị V đều là người có công với đất nước (ông Lê Văn H được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Nhất, bà Lê Thị V được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Nhì) nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố về nhân thân, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, xét giá trị tài sản bị chiếm đoạt chỉ ở mức khởi điểm của cấu thành tội phạm cơ bản, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc mức án phù hợp. Xét thấy, mức án mà Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp được chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, không gắn biển kiểm soát là công cụ, phương tiện phạm tội, lẽ ra cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ, nguồn gốc của chiếc xe là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bị cáo và vợ là chị Phạm Thị N, nguồn tiền để mua chiếc xe là tiền lương của chị N. Chiếc xe là phương tiện di chuyển chung của hai vợ chồng bị cáo, việc bị cáo sử dụng xe để phạm tội chị N hoàn toàn không biết. Chị N và bị cáo có ý kiến đề nghị được trả lại chiếc xe để quản lý, sử dụng do đây là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình. Do vậy, xét thấy trả lại cho chị Phạm Thị N chiếc xe mô tô và biển số xe 19P1-338.61 để quản lý, sử dụng là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Đức S đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Ngoài ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ các thiệt hại do việc mất điện thoại của bị hại gây ra số tiền là 3.000.000 đồng, anh Vũ Đức S đã nhận đủ số tiền, không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí và chi phí tố tụng: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.



Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 47; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 329, Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố:

**1. Về tội danh:** Bị cáo Lê Tuấn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

**2. Về hình phạt:**

*2.1. Về hình phạt chính:* Xử phạt bị cáo Lê Tuấn A **08 (Tám)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 25/4/2022 đến ngày 17/6/2022.

*2.2. Về hình phạt bổ sung:* Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Tuấn A.

**3. Về xử lý vật chứng:** Trả lại cho chị Phạm Thị N 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, không gắn biển kiểm soát, số khung: RLCUG1010LY300748, số máy: G3D4E1071790 và 01 (một) biển số xe mô tô 19P1-338.61 được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS2, mã số PS2 2105330.

**4. Về án phí sơ thẩm:** Buộc bị cáo Lê Tuấn A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Đức S, chị Phạm Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS TP. Phổ Yên;
- Công an thành phố Phổ Yên;
- Trại tạm giam CAT Thái Nguyên;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Xuân Lộc**